

IV#: 64966 (NSCC)

I-171#: Y NO

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LANG DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LANG THANH CHUNG	07-10-1948	NEPHEW
DUONG THI CAM LINH	07-05-1952	NEPHEW-in-LAW
LANG TRUNG TRUC		

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LANG DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LANG THANH CHUNG	07-10-1948	NEPHEW
DUONG THI CAM LINH	07-05-1952	NEPHEW-IN-LAW
LANG TRUNG TRUC	01-18-1987	GRAND NEPHEW

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LANG THANH CHUNG
Last Middle First

Current Address: 32/14 Đường 30 T4 Soc Trang Hau Giang

Date of Birth: 07/10/48 Place of Birth: Tirot not

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieut
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/75 To 7/80
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Lang Hien</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: LANG-HIÊN

Địa chỉ: _____

Điện thoại: (Số) _____ (Nhà) OK 73114

Tên tù nhân chính trị: Nguyễn Năng Dũng / LANG THANH
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: CHUNG
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tủy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: X (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: 200 (tủy ý)

Thủ tủy, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058

BỘ NỘI VỤ.

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

H. B. N. D. TỈNH HẬU GIANG.

Số: 769.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Căn cứ chỉ thị số 316/TT ngày 22-03-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc cấp giấy ra trại cho các thành viên của cơ quan chính quyền của chế độ cũ và dân phải phân định hiện diện bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 342, ngày: 24/06/1.978. về việc thực hiện chỉ thị số 316/TT ngày 22-03-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quyết định số: 83/QĐ. Ngày: 01/07/1.980.
Chủ: Bộ-Trưởng Bộ Nội Vụ.

H. B. N. D. TỈNH HẬU GIANG.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: LANG - THANH - CHUNG :

Ngày sinh: 1.948 :

Quê quán: Xã Trảng Nhứt, Huyện Thốt Nốt, Hậu-Giang.

Trú quán: Ấp Long Thành A, Trảng Nhứt, Thốt Nốt, Hậu-Giang.

Tổ chức, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, cơ quan và các tổ chức chính trị, phân định của chế độ cũ: Trung Ủy Sĩ

Quan Quân Số.

- Thời gian tiếp nhận giấy này với Ủy Ban Nhân Dân và Mặt trận xã: Trảng Nhứt. Huyện Thốt Nốt. Hậu-Giang.

Về việc thực hiện các quy định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: (12 Tháng).

- Thời hạn đi được: ngày (kể từ ngày)

- Thời hạn và lương thực đi được: đã cấp:

Hậu-Giang ngày 15/07/1980
THỦ TRƯỞNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF THE INTERIOR
HAU GIANG PROVINCE PEOPLE'S COMMITTEE

*

RELEASE CERTIFICATE

RC No.: 769

Date: July 30, 1980

*

By virtue of the SRVN Prime Minister's Directive No.316/TTg dated 8-22-77 governing the policy vis-a-vis the previous regime's civil-servants, military officers and adherents of reactionary political parties who are under reformation at various camps of concentration,

By virtue of the Ministry of Defense & Ministry of the Interior Joint Communique No.342 of 24 June 1978 for implementing the Prime Minister's Directive above,

In compliance with the Ministry of the Interior's Decision #83/QD dated 07-01-80 for delegation of authority to Hau Giang Province People's Committee,

A RELEASE CERTIFICATE IS HEREBY ISSUED TO

Name: LANG THANH CHUNG Date of Birth: 1948
Place of Birth: Trung Nhut Village, Thot Not District, Hau Giang
Address: Long Thanh A Hamlet, Trung Nhut, Thot Not, Hau Giang

Military Matriculation No.: Rank: 1st Lieutenant
Position: Military Matriculation Officer
in the infrastructure of the Previous Regime's administration, armed forces and reactionary political organizations.

Upon return to his former place of residency, the incumbent is to report in person with this Release Certificate to the local administrative and public security authorities in Trung Nhut Village, Thot Not District, Hau Giang Province, and to comply with the pertinent Municipal or Provincial People's Committee's regulations on designation of final place of residency, house custody and restrictions.
Length of House Custody: 12 months
Length of home journey: days (effective the date of this Release Certificate)
Travel fares & food ration allocated:

This is to certify that the foregoing is a true & exact translation of the original Vietnamese-language document

Translator: *Dao Trong Vu*
DAO TRONG VU
VIETNAMESE AMERICAN ASSOCIATION

(signature & seal)

State of OKLAHOMA }
County of OKLAHOMA } SS:
Hau Giang People's Committee

Subscribed & sworn to before me this

27th day of July, 1989

Notary Public: *Nguyen van Chue*

My Commission Expires Feb. 12, 1990

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF THE INTERIOR
HAU GIANG PROVINCE PEOPLE'S COMMITTEE

*

RELEASE CERTIFICATE

RC No.: 769

Date: July 30, 1980

*

By virtue of the SRVN Prime Minister's Directive No.316/TTg dated 8-22-77 governing the policy vis-a-vis the previous regime's civil-servants, military officers and adherents of reactionary political parties who are under reformation at various camps of concentration,

By virtue of the Ministry of Defense & Ministry of the Interior Joint Communique No.342 of 24 June 1978 for implementing the Prime Minister's Directive above,

In compliance with the Ministry of the Interior's Decision #83/QD dated 07-01-80 for delegation of authority to Hau Giang Province People's Committee,

A RELEASE CERTIFICATE IS HEREBY ISSUED TO

Name: LANG THANH CHUNG Date of Birth: 1948
Place of Birth: Trung Nhut Village, Thot Not District, Hau Giang
Address: Long Thanh A Hamlet, Trung Nhut, Thot Not, Hau Giang

Military Matriculation No.: Rank: 1st Lieutenant
Position: Military Matriculation Officer
in the infrastructure of the Previous Regime's administration, armed forces
and reactionary political organizations.

Upon return to his former place of residency, the incumbent is to report in person with this Release Certificate to the local administrative and public security authorities in Trung Nhut Village, Thot Not District, Hau Giang Province,
and to comply with the pertinent Municipal or Provincial People's Committee's regulations on designation of final place of residency, house custody and restrictions.
Length of House Custody: 12 months
Length of home journey: days (effective the date of this Release Certificate)
Travel fares & food ration allocated:

This is to certify that the foregoing is a true & exact translation of the original Vietnamese-language document

Translator: Dao Trong Vu
DAO TRONG VU
VIETNAMESE AMERICAN ASSOCIATION

(signature & seal)
Tran Minh Son
Chairman
STATE OF OKLAHOMA }
Hau Giang People's Committee }
COUNTY OF OKLAHOMA }

Subscribed & sworn to before me this
27th day of July, 1980.

Notary Public: Magnum van Olyn

My Commission Expires Feb. 12, 1990

QUESTIONNAIRE FOR APPLICATION

Date: July 20th 1986

Ngày: One time

Câu Hỏi cho người nộp đơnJuly 20th 1986

A/-

I. Name

Họ, tên

: LANG THANH CHUNG

2. Other Names

Họ, tên khác

: None

3. Date/ Place of birth

Ngày/ Nơi sinh

: July 10th, 1948 Trung Nhut Village, Thotnot district

4. Residence Address

Địa chỉ thường trú

: 32/14 đường 30 tháng 4, Sóc Trăng, Hậu Giang

5. Mails Address

Địa chỉ thư từ

: 32/14 đường 30 tháng 4, Sóc Trăng, Hậu Giang

6. Current occupation

Nghề nghiệp

: Not yet current Occupation

B/- PERSONS ACCOMPANY ME

Số người đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follow: (M) Divorced (D) Widowed (W), or Single (S).

(CHÚ Ý: Vợ/chồng và con cái còn trẻ cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/ góa tử (W) hoặc độc thân (S).

Name Họ, tên	Date of birth ngày, tháng, năm sinh	Place of Birth nơi sinh	Sex Giới	MS Tình gia- đình	Relationship Liên hệ gia- đình
-----------------	---	----------------------------	-------------	-------------------------	--------------------------------------

DƯƠNG THỊ CẨM LINH	1952	Phong Dinh	F	M	Wife
--------------------	------	------------	---	---	------

LANG THUNG THUC	18 - 1 - 1987	Sóc Trăng	M	S	Son
-----------------	---------------	-----------	---	---	-----

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, hôn thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), Giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/ góa tử), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu ba con sẽ cùng đi với bạn với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

Relatives Outside Vietnam

Thân nhân ở ngoài Quốc: LANG QUAN Blood uncle

Relatives In the U.S.

thân thân nhất ở Hoa-Kỳ:

1829 Midfield Ave # 2 SAN JOSE CA 95122

Name
Họ, tên : LANG DINH BLOOD UNGLE

Relationship
Liên hệ gia đình : 1320 FOXDALE LOOP #232 SAN JOSE CA 95122

Address
Địa chỉ : Làng Hùn S15 NW 114th St OKLAHOMA CITY OK 73114

Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

A. Name
Họ, Tên : DUONG ANH SANG

b. Relationship
Liên hệ gia đình : BROTHER OF MY WIFE

c. Address
Địa chỉ : _____

MIB - I W 6

+ COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father : LANG HAI (dead)
Cha

2. Mother : TRAN THI LANG
Mẹ

3. Spouse : DUONG THI OANH LINH 32/14 Đường 30 tháng 4 - Séc-trung
Vợ/chồng

4. Former Spouse (if any)
Vợ/chồng trước (nếu có) : None

5. Children
Con cái : 01) LANG TRUNG TRUY
02) _____
03) _____
04) _____
05) _____
06) _____
07) _____
08) _____
09) _____
10) _____

6. Siblings
Anh chị em 01) _____
02) _____
03) _____
04) _____
05) _____
06) _____
07) _____
08) _____
09) _____
10) _____

+ Employment by US Government Agencies or Other US Organizations of any or
Your Spouse : Bạn hoặc Vợ/chồng đã có làm việc cho Công sở của Chính Phủ
hoặc hãng Mỹ :

1. Name of person Employed
Họ tên nhân-viên : _____

2. Date : From : To :
Ngày tháng năm : Từ : 1 tới :
2
3
4

Date: July 20th 1988

QUESTIONNAIRE FOR AFFILIATION

Ngày: One time

Căn cứ cho người nộp đơnJuly 20th 1988

N-

1. Name
Họ, tên : LONG THANH QUANG

2. Other Name
Họ, tên khác : None

3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi sinh : July 20th 1946 Trung Nhut Village, Thoiet district

4. Residence Address
Địa chỉ thường trú : 32/14 đường 10 tháng 4, Sóc Trăng, Hậu Giang

5. Mails Address
Địa chỉ thư từ : 32/14 đường 10 tháng 4, Sóc Trăng, Hậu Giang

6. Current occupation
Hiện tại : Not yet current occupation

N/- PERSONS ACCOMPANYING ME

Đã đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows: (M) Divorced (D) Widowed (W), or Single (S).
(Chú ý: Vợ chồng và con cái chưa kết hôn là người đi với bạn mà thôi. Không phải người đi cùng bạn. Liệt kê tình trạng hôn nhân (M) như sau: (M) Hết gia đình (D), góa vợ/ góa chồng (W) hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Date of birth Ngày, tháng, năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới	M M M	Relationship Liên hệ gia đình
DƯƠNG HUY CHÁNH NAM	1971	Thong Binh	F	M	Wife
ĐANG THUY HUY	18-1-1967	Sóc Trăng	M	S	Son

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available) and photos if any of the above accompanying relatives do not live with you. Please note their addresses in Section 1 below.)

(Chú ý: Cho mỗi người đi với bạn trên đây, chúng tôi cần một bản sao legible, hôn thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly hôn), Giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa vợ/ góa chồng), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu họ còn đi cùng đi với bạn... với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần 1).

Relatives Outside Nation

Liên hệ ở nước khác : None None None

Relatives In the Nation

Liên hệ trong nước : None

1200 HASTINGS Ave # 2 SAN JOSE CA 95128

Abstract

PO, van : LANG BINH BLOOD URINE

Relational marketing

Liên hệ gia đình : 1200 PONTIAC BLVD #212 SAN JOSE CA 95122

Address

Di địa : Làng Hiến 815 NW 114th St OKLAHOMA CITY OK 73116

Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con thân thiết ở các nước khác

References

NGUYEN ANH HANG

No Relationship

Name of the ship: **HONGKONG AND NORTHERN**



• Abstracts

214-441

WAB - 176

*** CURRENT BOOKS LISTING (Living/Dead)**

Đánh chết toàn thể gia đình (sống/chết)

X. Father : YANG HAI (dead)

2. Mother
FROM THE LAND

At Springs
Vichang : MUONG THY OANH XINH 12/14 đường 30 tháng 4 - Sóc Trăng

4. Fanning Springs (if any)
 V/ chong trau (not on) : None

Y. Children Can eat ;	AGE	WEIGHT	TEMP
100			
101			
102			
103			
104			
105			
106			
107			
108			
109			
110			
111			
112			
113			
114			
115			
116			
117			
118			
119			
120			
121			
122			
123			
124			
125			
126			
127			
128			
129			
130			
131			
132			
133			
134			
135			
136			
137			
138			
139			
140			
141			
142			
143			
144			
145			
146			
147			
148			
149			
150			
151			
152			
153			
154			
155			
156			
157			
158			
159			
160			
161			
162			
163			
164			
165			
166			
167			
168			
169			
170			
171			
172			
173			
174			
175			
176			
177			
178			
179			
180			
181			
182			
183			
184			
185			
186			
187			
188			
189			
190			
191			
192			
193			
194			
195			
196			
197			
198			
199			
200			

Siblings

Arh. 017 02

1901

1902

1903

1904

1905

1906

1907

1908

1909

1910

* Endorsement by US Government Agencies or other US organizations or any of
Your spouse : Ông hoặc Vg/ chồng đã có làm việc cho Tổng số của Chính Phủ
hoặc hãng Mỹ :

1. Name: person Employed
Họ tên nhân viên :

2. Date : _____
Ngày tháng năm : _____

Page : _____
Số : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

No : _____
tên : _____

Hồ sơ Lang - Thành Chung

- 1 giấy báo lãnh USSC
 - 2 Câu hỏi cho người nộp đơn
 - 2 giấy ra trại
 - 4 Khai Biol căn cước L Thành Chung
 - 5 căn cước Dương thị Cam Linh (VĐ)
 - 6 Khai sinh Lang Trung Thước (Con)
- Sự vụ lệnh v.v.



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

(202) 659-6646
659-6647

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

December 27, 1984

USCC Reference Number 64966

ODP Bangkok IV Number _____

RE: Lang Thanh Chung

Dear Sir/Madam:

The paragraph(s) checked below give(s) information on your application for relatives or friends in Vietnam:

- (X) You have sent application(s) previously. Each person in the U.S. should have only one USCC Reference Number. Please retain the above-mentioned Reference Number when writing to us about your relatives in Vietnam.
- (X) Your new application has also been forwarded to the ODP Office in Bangkok under the same USCC Reference Number to update your file there.
- (X) Please notify our office in Washington and our diocesan Resettlement Office of any change of address.
- (X) After your relatives in Vietnam have secured Exit Permits (called LAISSEZ-PASSER), please send a copy to the Orderly Departure Program Office in Bangkok, at the following address:

American Embassy - Box 58
Bangkok, Thailand
APO San Francisco 96346

You may rest assured that USCC will continue to assist you in your efforts to bring your relatives or friends to this country.

Sincerely,

A handwritten signature in dark ink, appearing to read "Mark D. Franken".

Mark D. Franken
Coordinator for Refugee Programs



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

(202) 659-6646
659-6647

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

December 27, 1984

USCC Reference Number 64966

ODP Bangkok IV Number _____

RE: Lang Thanh Chung

Dear Sir/Madam:

The paragraph(s) checked below give(s) information on your application for relatives or friends in Vietnam:

- (X) You have sent application(s) previously. Each person in the U.S. should have only one USCC Reference Number. Please retain the above-mentioned Reference Number when writing to us about your relatives in Vietnam.
- (X) Your new application has also been forwarded to the ODP Office in Bangkok under the same USCC Reference Number to update your file there.
- (X) Please notify our office in Washington and our diocesan Resettlement Office of any change of address.
- (X) After your relatives in Vietnam have secured Exit Permits (called LAISSEZ-PASSER), please send a copy to the Orderly Departure Program Office in Bangkok, at the following address:

American Embassy - Box 58
Bangkok, Thailand
APO San Francisco 96346

You may rest assured that USCC will continue to assist you in your efforts to bring your relatives or friends to this country.

Sincerely,

A handwritten signature in dark ink, appearing to read "Mark D. Franken".

Mark D. Franken
Coordinator for Refugee Programs

6. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Đào tạo ở nước ngoài của bạn hoặc của vợ/chồng bạn

20 Name of Student / Trainee

Họ tên sinh viên / người đi học: _____

21 School and School Address

Trường và địa chỉ trường: _____

22 Date

Ngày, tháng, năm: _____

From: _____

To: _____

By: _____

Signature: _____

23 Description of Courses

Mô tả ngắn gọn: _____

24 Who paid for training

Ai đã trả tiền cho việc học tập? _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or certificates, if available. Available

(Ghi chú: Xin đính kèm bản sao Văn bằng, hoặc Chứng chỉ nếu có, nếu có hay không?)

25 Re-education of You or Your Spouse

Đào tạo lại của bạn hoặc của vợ/chồng bạn

26 Name of Person in Re-education

Họ tên người đi học tập cải tạo: _____

27 Total time in Re-education

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo: _____

years

months

days

To be forced Re-education? Yes _____

28 Still in Re-education? Yes _____

Vẫn còn học tập cải tạo? _____

29 If Released, we must have a copy of your release certificate)
 Nếu thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

30 Any additional Remarks?

Chú thích khác:

I hope that the Government assist my request and give order me
 Entry - Visit to USA as soon as possible in order to me to look for a
 new life

Your humanitarian act help me to shall be appreciated highly

Signature: _____

Date: _____

Họ tên: _____ Ngày tháng năm: _____ (1st time)
 July 20th 1981 (2nd time)

Please list Here All Documents Attached to this Application

Đưa ra đây tất cả các tài liệu đính kèm vào đơn xin này

- Certificate of Re-education Camp

- Married Certificate

- Birth - day Certificate of my wife and
 my son

- Military 2.2 Card

III Red Tien

Siang unknown

Tai Nam

Phongkai, Thailand
 10100

- 3 4

3. Name of (Last) Supervisor

1)

2)

3)

4)

4. Agency/ Company/ Office

Hàng không Việt Nam

1)

2)

3)

4)

5. Name of (Last) Supervisor

Tên họ người giám sát

1)

2)

3)

4)

6. Reason for Leaving

Lý do ra đi

1)

2)

3)

4)

7. Training for Job in Vietnam

Hàng không Việt Nam

8. Service with US or Allied by you or your spouse
 Dịch vụ của bạn hoặc người thân của bạn với quân đội Mỹ hoặc quân đội đồng minh

9. Name of Person Serving

Tên người thân gia

NAME: NAME

10. Date

Ngày, tháng, năm

From

12-4-68

To

12-4-75

11. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng

NAME: NAME

12. Ministry/ Office/ Military Unit

Bộ, Ban, Văn phòng, Quân chủng

NAME: NAME

13. Name of Supervisor/ C.O.

Tên người giám sát/ Sĩ quan

NAME: NAME

14. Reason for Leaving

Lý do ra đi

Looking for a new life for my family

15. Name of American Advisor

Tên người cố vấn Mỹ

NAME: NAME

Name: NAME

16. US Training Courses in

Chương trình huấn luyện

tại Việt Nam

NAME: NAME

17. US Awards or Certificate

Giấy khen, hoặc chứng thư

do Hoa Kỳ cấp

NAME: NAME

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ or No _____)

(Chú ý: Xin gửi kèm theo bất cứ văn bằng, Giấy khen, hoặc chứng thư có được nếu có. Có _____)

6. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse

Học hoặc vi/chung ở nước ngoài ở ngoài quốc.

1. Name of Student / Trainee

Họ tên sinh viên người được huấn luyện : _____

2. School and School Address

Trường và địa chỉ nhà trường : _____

3. Date

Ngày, tháng, năm _____

From :

Từ : _____

To :

Đến : _____

4. Description of Courses

Mô tả ngành học : _____

5. Who paid for training

Ai trả tiền cho việc huấn luyện ? _____

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available

Yes

No

(CHÚ Ý : Xin liên hệ theo Văn Phòng, hoặc chỉ thị nếu có, bạn có hay không ?

Co

Không

7. Re-education of You or Your Spouse

Học hoặc vi/chung ở học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation

Họ tên người đi học tập cải tạo : _____

NAME THANH CHUNG

2. Total time in Reeducation

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo : _____

years

months

days

5 năm

3 tháng

ngày

To be Forced Residence

1 year

3. Still in Reeducation ? Yes

No

Vẫn còn học tập cải tạo ?

Không

4. If Released, we must have a copy of your release certificate)

được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại).

8. Any additional Remarks ?

Chào anh em thân mến :

I hope that US Government assist my request and give order me
Entry - Visa to USA as soon as possible in order to me to look for a
new life

Your humanitarian act help me to shall be appreciated highly

Signature :

Date :

Họ tên :

(Bã ký tên)

Ngày July 20th 1986

Please list Here All Documents Attached to this Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Certificate of Re-education Camp

131 Soi Tien

- Married Certificate

Siang anthona

- Birth - day Certificate of my wife and
my son

Tai Road

Bangkok, Thailand

10120

- Military I D Card

3. **Đơn vị Công việc 1)** _____

2) _____

3) _____

4) _____

4. **Agency/ Company/ Office**

Sđ/ Hãng/ Văn-Phòng 1) _____

2) _____

3) _____

4) _____

5. **Name of (Last) Supervisor**

Tên họ người Giám-Thị 1) _____

2) _____

3) _____

4) _____

6. **Reason for Leaving**

Lý do ra đi 1) _____

2) _____

3) _____

4) _____

7. **Training for Job in Vietnam**

Nghề nghiệp huấn luyện tại VN : _____

* **Service with GVN or RVNAP By you, Or Your Spouse**Hạn hoặc vợ/chồng đã công-vụ với chính Phủ Việt Nam1. **Name of Person Serving**Họ tên người tham gia : LANG THANH CHUNG2. **Date**

Ngày, tháng, năm

From :

từ

21-4-69

To

tới

30-4-19753. **Last Rank**

Cấp bậc cuối cùng :

FIRST LIEUTENANT4. **Ministry/ Office/ Military Unit**

Bộ/Sở, Đơn vị/ Binh Chung :

22 DIVISION Infantry, 14 th Cavalry5. **Name of Supervisor/ C.O.**

Họ tên người Giám Thị/ Sĩ quan chỉ-huy

COLONEL DUONG CHI6. **Reason for Leaving**

Lý do ra đi

Looking for a new life for my family7. **Name of American Advisor**

Họ tên cố vấn Mỹ

Major Jaxrett Captain Vickers, Sergeant Helwick, Cox,Manning, Nance8. **US Training Courses in :**Quá trình huấn luyện tại Việt-NamEnglish Advanced Course by Major Gress By.9. **US Awards or Certificate**Giấy khen, hoặc chứng thư do Hoa-Kỳ cấpadvisor AG division of the Headquarter ARVN (Gress)

(Note : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes _____ or No _____)

(Chú ý : Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, Giấy khen, hoặc chứng thư có được sự có không ? Có _____)

ĐI AN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

Số:

011881

QUÂN NHÂN



Họ Tên

LANG-THÀNH-CHUNG

Cấp bậc

Trung-Úy

Số quân

68/511.706

Ngày, nơi sinh

10.7.1948

Thốt-Nốt, An-Giang

Cha

LANG - HẢI

Mẹ

TRẦN-THỊ-LANG

QĐ. 849 A

USCC No 64966

AH

018303

Dấu vết riêng.

Chạm sọc tròn dưới mắt
trái

Cao : 1m. 73

Loại dấu : BRH +

Số thẻ căn cước dân sự : 04521113

Ngày, nơi cấp 19.03.71 Kon Tum

KBC 4125, ngày 17.12.73

Tham mưu Phó Nhân Viên

30 TÊN QUYNH

Nylon trái mắt



Nylon trái trái



hauy

CHÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

Số:

011591

QUÂN NHÂN



Tên **LANG-THÀNH-CHUNG**

Cấp bậc **Trung-Úy**

Số quân **68/511.706**

Ngày, nơi sinh **10.7.1948**

Thốt-Nốt, An-Giang

Cha **LANG - HAI**

Mẹ **TRẦN-THỊ-LANG**

QĐ. 849 A

USCC No 64966

AH

018303

Dấu vết riêng.

Chạm sọc tròn dưới mắt
trái

Số thẻ căn cước dân sự: 04521113

Ngày, nơi cấp 19.03.71 Kon Tum

KBC 4125, ngày 17.12.73

Tham-Muốn NGUYEN TUAN TRAM

Tham-Muốn Phó Nhân-Viên

30 TÊN QLYNCH

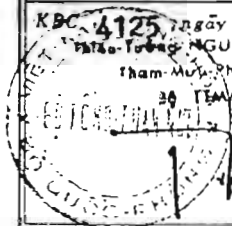
Cao : 1m, 73

Loại máu : BRH +

Ngón trỏ phải



Ngón trỏ trái



Hau

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 360133272

Họ tên DƯƠNG THỊ CẨM LINH



Sinh ngày 05-07-1952

Nguyên quán Mỹ Phước,

Mỹ Tú, Hậu Giang.

Nơi thường trú 32/14, Đường

30-4, Sóc Trăng, Hậu Giang

USCC 64966

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sọc chấm C 2cm trên
trước đầu mày phải.

Ngày 10 tháng 07 năm 1978

KT GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

TRƯỞNG TY



Trần Văn Thiệu

A COMPLETE TRANSLATION OF IDENTIFICATION

Country : Viet Nam Republic Armed Forces

Province or City :

Ordinal Number : 011891

Name : Lang Thanh Chung Title/Grade : Second lieutenant
Date of Birth : 07-10-1948 Serial number : 68/511.706
Place of Birth : Thot Not, An Giang
Father's name : Lang Hai
Mother's name : Tran Thi Lang
Address : Not Shown
Distinctive marks : Round scar below the left eye
Height : 1m73
Weight : N/A Blood type : BRH +

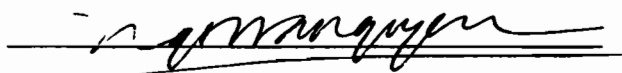
Issued at APO 4125 on 12/17/1973

The Official Issuer :

Signed and Sealed
illegible

Oklahoma City

I hereby certify that the above
statement is a true and accurate
translation of the attached document
to the best of my knowledge and belief



Ngoc Nguyen, Case Manager
Catholic Social Ministries
P.O. Box 1516
Oklahoma City, OK 73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma
Date: 08/16/1989

Notary: 

My Commission Expires:

3/93

A COMPLETE TRANSLATION OF IDENTIFICATION

Country : Viet Nam Republic (Armed Forces

Province or City :

Ordinal Number : 011891

Name : Lang Thanh Chung Title/Grade : Second lieutenant
Date of Birth : 07-10-1948 Serial number : 68/511.706
Place of Birth : Thot Not, An Giang
Father's name : Lang Hai
Mother's name : Tran Thi Lang
Address : Not Shown
Distinctive marks : Round scar below the left eye
Height : 1m73
Weight : N/A Blood type : BRH +

Issued at APO 4125 on 12/17/1973

The Official Issuer :

Signed and Sealed
illegible

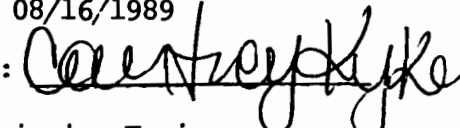
Oklahoma City

I hereby certify that the above
statement is a true and accurate
translation of the attached document
to the best of my knowledge and belief



Ngoc Nguyen, Case Manager
Catholic Social Ministries
P.O. Box 1516
Oklahoma City, OK 73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma
Date: 08/16/1989

Notary: 

My Commission Expires:

3/93

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM **Sơ thẩm Angiang**
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE ...)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã **Trung-Nhứt**

Tỉnh **Angiang**

(NAM PHÂN)
(Sud Viet Nam)

NĂM **1948**
(Année)

SỐ HẸP **166**
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Vụ số 462-ĐX Ngày 29-4-1960
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Tòa HGRQ; Angiang xử về việc nguyên đơn
Ngày, giờ, nơi (Date de naissance)	trong phiên nhóm công khai đã tuyên bản
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	án như sau:
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Dân Án Tòa Án
Cha là nghề gì (Sa profession)	BỞI CÁC LỄ ÁY
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phán rằng: LANG- THÀNH-CHUNG ; nam sinh ngày
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	10-7-1948 tại xã Thạnh-Hòa Trung-Nhứt
Mẹ là nghề gì (Sa profession)	(Angiang) con tư sinh của LANG-HẢI và
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	THÂN-THỊ- LANG
Một cách bày tỏ (Son témoignage)	Phán rằng án này thế vì khai sanh cho
Một cách bày tỏ (Son témoignage)	trẻ trên

Nay-Cước

Angiang, ngày **26-8-1960**
Chánh-Lục-Sự
Ấn ký **Trần-Bá-Thế**
(Pour extrait conforme)

Angiang, ngày **2-01-1961**

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Vưu

TRẦN-BÁ-THẾ

Quê nhà **15860**
(Cott.)

Số hồ sơ **N-05**
(O. Instance No)

A COMPLETE TRANSLATION OF BIRTH CERTIFICATE

Country : VietNam Republic
Province or City : An Giang
Date : 1948
Ordinal Number : 1966

Name of Child : The court case # 462-DX on 04-29-1960 of the Court of Peace;
Sex : On the judgement of the application in the open-to-public
Date of Birth : hearing has declared as follow :
Place of Birth : NOW ORDERED THAT
Father's Name : Lang Thanh Chung, male, born on 07-10-1948 at Thanh Hoa,
Occupation : Trung Nhut (AN Giang) and is the natural child of Lang Hai
Residency : and Tran Thi Lang. Herein ordered that this decision is
Mother's Name : made as a substitute document of original birth certificate
Occupation : for the above person.
Residency :
Marriage Condition :

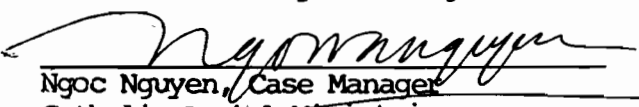
At An Giang on 08-26-1960

The Vital Record Official :

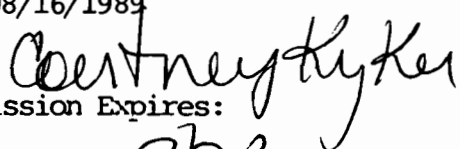
Trang The
Signed and Sealed

Oklahoma City

I hereby certify that the above
statement is a complete and accurate
translation of the attached document
to the best of my knowledge and belief.


Ngoc Nguyen, Case Manager
Catholic Social Ministries
P.O Box 1516
425 N.W 07 th street
Oklahoma City, OK.73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma
Date : 08/16/1989

Notary : 
My Commission Expires:

3/93

A COMPLETE TRANSLATION OF BIRTH CERTIFICATE

Country : VietNam Republic
Province or City : An Giang
Date : 1948
Ordinal Number : 1966

Name of Child : The court case # 462-DX on 04-29-1960 of the Court of Peace;
Sex : On the judgement of the application in the open-to-public
Date of Birth : hearing has declared as follow :
Place of Birth : NOW ORDERED THAT
Father's Name : Lang Thanh Chung, male, born on 07-10-1948 at Thanh Hoa,
Occupation : Trung Nhut (AN Giang) and is the natural child of Lang Hai
Residency : and Tran Thi Lang. Herein ordered that this decision is
Mother's Name : made as a substitute document of original birth certificate
Occupation : for the above person.
Residency :
Marriage Condition :

At An Giang on 08-26-1960

The Vital Record Official :

Trang The
Signed and Sealed

Oklahoma City

I hereby certify that the above
statement is a complete and accurate
translation of the attached document
to the best of my knowledge and belief.


Ngoc Nguyen, Case Manager
Catholic Social Ministries
P.O Box 1516
425 N.W 07 th street
Oklahoma City, OK.73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma
Date : 08/16/1989

Notary : Courtney Ly Ke
My Commission Expires:

3/93

A BRIEF TRANSLATION OF CITIZEN'S IDENTIFICATION

Country : Viet Nam Socialist Republic
Province or City : Hau Giang
Ordinal Number : 360133272

Name : Duong Thi Cam Linh
Date of Birth : 07-05-1952
Original Place : My Phuoc, My Tu, Hau Giang
Permanent Residence : 32/14 Duong 30-4, Soc Trang, Hau Giang
Race : Lowlander
Religion : None
Distinctive Marks : Spot scar at 2 cm above the left end of the right eyebrow.

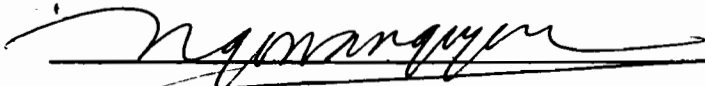
Oklahoma City

Date of Issuance 07-10-1978

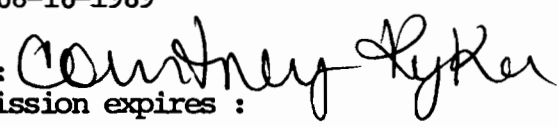
I hereby certify that the above
statement is a true and accurate
translation of the attached document
to the best of my knowledge and belief.

The Official Issuer:
Ho Minh Thien

Signed and Sealed


Ngoc Nguyen, Refugee Resettlement Caseworker
Catholic Social Ministries
Migration & Refugee Department
P.O Box 1516
Oklahoma City, OK, 73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma City
Date : 08-16-1989

Notary : 
My Commission expires :

3/93

A BRIEF TRANSLATION OF CITIZEN'S IDENTIFICATION

Country : Viet Nam Socialist Republic
Province or City : Hau Giang
Ordinal Number : 360133272
Name : Duong Thi Cam Linh
Date of Birth : 07-05-1952
Original Place : My Phuoc, My Tu, Hau Giang
Permanent Residence : 32/14 Duong 30-4, Soc Trang, Hau Giang
Race : Lowlander
Religion : None
Distinctive Marks : Spot scar at 2 cm above the left end of the right eyebrow.

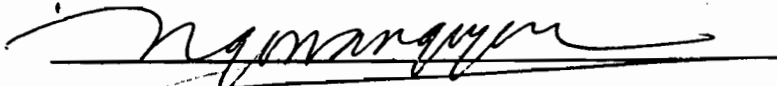
Oklahoma City

Date of Issuance 07-10-1978

I hereby certify that the above
statement is a true and accurate
translation of the attached document
to the best of my knowledge and belief.

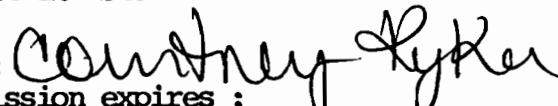
The Official Issuer:
Ho Minh Thien

Signed and Sealed



Ngoc Nguyen, Refugee Resettlement Caseworker
Catholic Social Ministries
Migration & Refugee Department
P.O Box 1516
Oklahoma City, OK, 73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma City
Date : 08-16-1989

Notary : 
My Commission expires :

3/93

ỦY BAN NHÂN DÂN

Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: HT3P/3

Hà Thị trấn Phước 3
Tọa xã, Quận Sóc-Trung
Thành phố, Tỉnh Hậu-Giang

(BẢN SAO)

Số: 73/87
Quyền số: 01

GIẤY KHAI SANH

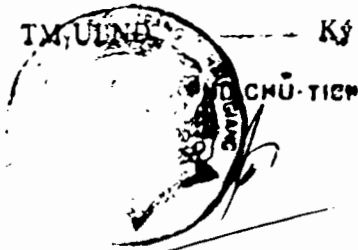
Họ và tên	LANG TRUNG THỰC		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày Mười tám, tháng Một, năm Một Ngàn Chín Trăm Năm Mười Bảy (18/01/1987)			
Nơi sinh	Bệnh Viện Đa Khoa Sóc-Trung			
Cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (ch ợc ngày tháng năm sinh	LANG THANH CHUNG 1948		DƯƠNG THỊ CẨM LINH 1952	
Môn t ợc Quốc tịch	Hoa Việt-Nam		Kinh Việt-Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Lâm công Số 32/14, đường 30/4 K.6, Phường 3, TXSoc		Buôn bán Số 32/14, đường 30/4 K.6, Phường 3, TXST	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh, hoặc CNCC của người đứng khai	LANG THANH CHUNG, sinh năm 1948 Số 32/14, đường 30 tháng 4, Kh ợn 6, Phường 3 Thị xã Sóc-Trung, Tỉnh Hậu-Giang Giấy CMND.Số: 361051308			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 16 tháng 2 năm 1987
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày — tháng — năm 1987

TM. ULN ————— Ký tên, đóng dấu



Trần Quốc Hải

Country : Socialist Republic of Vietnam

Ward or Canton : Ward 3

Town or District : Soc Trang

City or Province : Hau Giang

Ordinal number : 73/87

Full name of child : Lang Trung Truc

Sex : Male

Date of birth : The eighteenth of January, Nineteen-eighty-seven
(07-18-1987)

Place of birth : Soc Trang Hospital

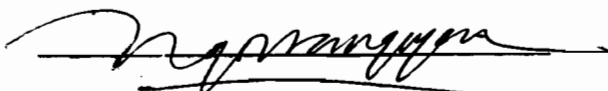
INFORMATION OF FATHER, MOTHER :

	FATHER	MOTHER
Name, age(or date of birth)	Lang Thanh Chung 1948	Duong Thi Cam Linh 1952
Ethnic group	Chinese	Vietnamese
Nationality	Vietnam	Vietnam
Occupation, residence registration place	Laborer	retailer
	32/14 street of 30/4, K 6, Ward 3, Soc Trang	
Name, age, residency registration place, Citizen's ID number of the claimant	Lang Thanh Chung, born in 1948 32/14 30-4 street, section 6, Ward 3, Soc Trang, Hau Giang. ID # 361051308	

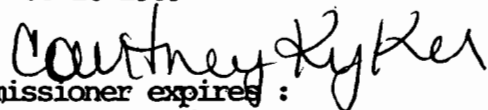
Oklahoma City,
I hereby certify that this is an accurate and complete translation of the attached document to the best of my knowledge and belief.

At on 02/16/1987
For the People's Committee of
Signed and sealed

Bui Quoc Thai


Ngoc Nguyen, Casemanager
Migration & Refugee Department
Catholic Socail Ministries
P.O Box 1516
Oklahoma City, OK.73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma City
Date : 08-16-1989

Notary 
My commissioner expires :

3/93

Country : Socialist Republic of Vietnam

Ward or Canton : Ward 3

Town or District : Soc Trang

City or Province : Hau Giang

Ordinal number : 73/87

Full name of child : Lang Trung Truc

Sex : Male

Date of birth : The eighteenth of January, Nineteen-eighty-seven
(07-18-1987)

Place of birth : Soc Trang Hospital

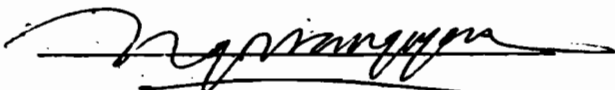
INFORMATION OF FATHER, MOTHER :

	FATHER	MOTHER
Name, age(or date of birth)	Lang Thanh Chung 1948	Duong Thi Cam Linh 1952
Ethnic group	Chinese	Vietnamese
Nationality	Vietnam	Vietnam
Occupation, residence registration place	Laborer	retailer
	32/14 street of 30/4, K 6, Ward 3, Soc Trang	
Name, age, residency registration place, Citizen's ID number of the claimant	Lang Thanh Chung, born in 1948 32/14 30-4 street, section 6, Ward 3, Soc Trang, Hau Giang. ID # 361051308	

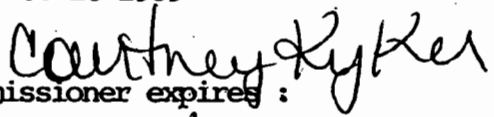
Oklahoma City,
I hereby certify that this is an accurate and complete translation of the attached document to the best of my knowledge and belief.

At on 02/16/1987
For the People's Committee of
Signed and sealed

Bui Quoc Thai


Ngoc Nguyen, Casemanager
Migration & Refugee Department
Catholic Socail Ministries
P.O Box 1516
Oklahoma City, OK.73101

SS.
State of Oklahoma
County of Oklahoma City
Date : 08-16-1989

Notary 
My commissioner expires :

3/93

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

—0000/0000—

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MUÙ/QLVNH
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN
TRƯỜNG TỔNG-QUẢN-TRỊ

Số : 0932/TTM/T.TQT/HGYT/

Dai-Tá NGUYỄN-SĨ-TÚC, Chỉ-Huy-Trưởng Trường Tổng-Quản-TRỊ/Quân-Vũ
Việt-Nam Cộng-Hòa.

Cho phép : Thiếu-Tá MAI-MƯỜN-BÈ số quân 63/401.017 (Trường T.
Khóa sinh lớp SQ/TQT/CC 1/75 III)
và 19 quân nhân có tên trong danh sách đính hậu.

Đi từ Trường Tổng-Quản-TRỊ đến : BTL/Sĩ-Đoàn 22 BB (Long-Hải/Phước-T.

Lý do đi chuyển : Tăng phái thực tập cạnh BTL/SĐ. để kiến kết quân-
nhân-viên của SĐ.22 BB.

Phương tiện đi chuyển : Do Tổng Cục Tiếp-Vận cấp.

THAM-CHIẾU :- QĐ. số 14068 /TTM/1/QS ngày 10 /04/1975

Ngày đi : 10 tháng 4 năm 1975

Ngày về : Khi hoàn tất nhiệm vụ

Sở phí chuyên chở do Ngân-Quỹ thuộc
Điều đại thơ

Chương

Yêu cầu các Bộ-quan Quân-Sự và Hành-Chánh giúp đỡ cho các được
sự dễ dàng trong khi đi chuyển.

NƠI-NHẬN :

-Các Trưởng sự
"Đề thi hành"

SAO KINH GỬI :

-BTL/Phòng : + P.TQT
-BTL/Tổng-Cục Quân-Huấn
-BTL/Sĩ-Đoàn 22 Bộ-Binh
"Đề kinh tường"
-Trường Cày-Hải (Ban Tài-Chánh)
"Đề thanh toán lương bổng cho
các đương sự"
-Họ-sơ
-Lưu-chiếu.

KBC.34.93, ngày 09 tháng 4 năm 1975



msmc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MU/QLVNH
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN
TRƯỞNG TỔNG-QUẢN-TRỊ

Số : 0932/TM/T.TQT/HGYT/

Dai-Tá NGUYỄN-SĨ-TÚC, Chỉ-Huy-Trưởng Trưởng Tổng-Quản-Trị/Quân-T
Việt-Nam Cộng-Hòa.

Cho phép : Thiếu-Tá MAI-XUÂN-BÈ số quân 63/401.017 (Trưởng T
Khóa sinh lớp SQ/TQT/CC 1/75 III)
và 19 quân nhân có tên trong danh sách đính hậu.

M. từ Trưởng Tổng-Quản-Trị đến : BTL/Sĩ-Đoàn 22 BB (Long-Hải/Phước-T

Lý do di chuyển : Tăng phái thực tập cạnh BTL/SĐ. để kiến kết quân
nhân-viên của SĐ.22 BB.

Phương tiện di chuyển : Do Tổng Cục Tiếp-Vận cấp.

THAM-CHIẾU :- QĐ. số 13068 /TM/1/QS ngày 10 /04/1975

Ngày đi : 10 tháng 4 năm 1975

Ngày về : Khi hoàn tất nhiệm vụ

Điều kiện di chuyển : Do Ngân-Quỹ thuộc
đại thụ

Chương

Yêu cầu các Bộ-quan Quân-Sự và Hành-Chánh giúp đỡ cho các được
sự dễ dàng trong khi di chuyển.

NƠI-NHẬN :

-Các đơn vị

"Để thi hành"

SAO KINH CÚI :

-Đã TM/Phòng : P.TQT

-Đã TM/Tổng-Cục Quân-Huấn

-BTL/Sĩ-Đoàn 22 Bộ-Binh

"Để kinh tượng"

-Trưởng-Cay-Hải (Ban Tài-Chánh)

"Để thanh toán lương bổng cho

các đương sự"

-Họ-sơ

-Lưu-chiếu-

KBC.34.93, ngày 09 tháng 4 năm 1975



msmc

Số TT	Họ và Tên	Cấp bậc	Số quân	Thỏa thuận
01	NGUYỄN-BÁ-CHÂN	Thiếu-Tá	75/236.379	-SQ/TQT/CC 1/5
02	NGUYỄN-THẮNG-LONG	Đại-Úy	68/410.373	- "
03	NGUYỄN-ĐÌNH-MINH	"	63/209.392	- "
04	ĐỖ-ĐỨC-ĐẰN	"	64/204.24	-SQ/TQT/TC 1/75
05	LÀNG-THÀNH-CHUNG	Trung-Úy	68/511.701	- "
06	TRẦN-ĐÌNH-BÌNH	"	76/10.155	- "
07	PHẠM-THỊ-NHAI	"	67/400.2	- "
08	TRẦN-THỊ-NGHỆ	"	70/37.004	- "
09	NGUYỄN-THỊ-THẢO	Trợ-Sĩ I	57/220.415	-HSQ/CB/TQT 3/75
10	TRẦN-THỊ-THẢO	"	71/400.324	- "
11	ĐỖ-VĂN-THỨC	"	63/402.572	- "
12	TRẦN-ĐÔNG-SANG	Trung-Sĩ	73/207.260	- "
13	HỒ-KHAI-LÂM	Trợ-Sĩ I	72/209.360	- "
14	PHAN-THỊ-AN	Trung-Sĩ	63/211.537	- "
15	VÕ-THỊ-SANG	Trợ-Sĩ I	63/400.002	-HSQ/CB/TQT 4/75
16	PHAN-VĂN-NGHĨA	Trợ-Sĩ I	74/202.563	- "
17	LÊ-BÁ-THẠCH	"	75/211.616	- "
18	LÊ-QUANG-HÙNG	"	71/403.243	- "
19	PHAN-QUÝ-BÌNH	"	74/201.750	- "

Số TT	Họ và Tên	Cấp-bậc	Số quân	Thức ăn
01	NGUYỄN-BÁ-CHÂN	Thiếu-Tá	15/200.979	--SQ/TQT/CC 1/75
02	NGUYỄN-THẮNG-LONG	Đại-Úy	13/410.373	--"
03	NGUYỄN-ĐÌNH-MINH	"	03/209.302	--"
04	ĐỖ-ĐỨC-QUYẾN	"	10/214.24	--SQ/TQT/TC 1/75
05	LÀNG-THÀNH-CHUNG	Trung-Úy	68/511.701	--"
06	TRẦN-CÔNG-BÌNH	"	16/10.115	--"
07	PHẠM-THỊ-NHAI	"	07/100.2	--"
08	TRẦN-THỊ-THẢO	"	70/131.114	--"
09	HỒ-THỊ-THẢO	Trg-Sĩ I	57/220.445	--HSQ/CB/TQT 3/75
10	VŨ-THỊ-THẢO	"	11/100.1021	--"
11	ĐỖ-VĂN-THỨC	"	10/102.117	--"
12	TRẦN-NGANG-SANG	Trung-Sĩ	73/207.260	--"
13	HỒ-KHAI-LAM	Trg-Sĩ I	72/209.110	--"
14	TRẦN-THỊ-AN	Trung-Sĩ	07/211.547	--"
15	VŨ-THỊ-SANG	Trg-Sĩ I	07/201.512	--HSQ/CB/TQT 4/75
16	TRẦN-VĂN-NGHĨA	Trg-Sĩ I	10/102.563	--"
17	LÊ-BÁ-PHONG	"	71/211.616	--"
18	LÊ-QUANG-HÙNG	"	21/103.943	--"
19	PHẠM-QUÝ-BÍNH	"	14/101.950	--"

FROM LANG-HIEN

THIRD CLASS

Families Of Vietnamese Political
Prisoners Association

AUG 23 1969

P.O. BOX 5435, ARLINGTON

VA 22205-0635

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 8/31/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; Letter